

Số: 30 /2008/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị; giá ca máy phục vụ công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Quyết định số 13/2007/QĐ-BXD ngày 23/4/2007 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1485/QĐ-BXD ngày 24/11/1999 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức dự toán chuyên ngành đô thị của Thành phố Hà Nội;

Căn cứ công văn số 104/BXD-TCKT ngày 24/01/2005 của Bộ Xây dựng về việc bổ sung định mức dự toán chuyên ngành đô thị của thành phố Hà Nội;

Căn cứ công văn số 02/BXD-KTTC ngày 02/01/2007 của Bộ Xây dựng về việc chấp thuận định mức tạm thời công tác vận hành trạm xử lý nước, rác tại Khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn-Sóc Sơn-Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định một số điều quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP

ngày 07/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Chính phủ;

Theo đề nghị của Liên Sở: Giao thông công chính - Xây dựng - Tài chính tại Tờ trình số 392/TTr-LN: GTCC-XD-TC ngày 15 tháng 5 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tập định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải; giá ca máy phục vụ công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải; giá ca máy phục vụ công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải được áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội và là cơ sở để xác định đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2007.

Trên cơ sở định mức ban hành tại Quyết định này, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan lập đơn giá dự toán và thanh, quyết toán khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải năm 2007.

Trong quá trình triển khai thực hiện, hàng năm, Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát, kiểm tra định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải; giá ca máy phục vụ công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải trên địa bàn Thành phố Hà Nội để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các Quận, Huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐNDTP; (để
- Đ/c Chủ tịch UBNDTP; (b/c
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Các Bộ: XD, TC;
- Như Điều 4;
- V6, KT, XD (6bộ), TH;
- Lưu VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi

PHẦN I

THUYẾT MINH VÀ CÁC QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

1. Nội dung định mức

Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị qui định định mức hao phí cần thiết về vật tư, vật liệu, nhân công và xe máy thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

Trong đó:

a) Mức hao phí vật tư, vật liệu: là số lượng vật tư, vật liệu cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

b) Mức hao phí nhân công: là số lượng ngày công lao động cần thiết của công nhân trực tiếp thực hiện để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

c) Mức hao phí xe máy: là số lượng ca xe máy thiết bị cần thiết trực tiếp sử dụng để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị.

2. Các căn cứ xác lập định mức

- Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05/10/2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và phân cấp quản lý.

- Quy trình công nghệ thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị hiện đang áp dụng phổ biến ở các đô thị.

- Kết quả theo dõi, tổng kết việc áp dụng tại Hà Nội định mức dự toán công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BXD ngày 23/4/2007, Quyết định số 1485/QĐ-BXD ngày 24 tháng 11 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

- Số liệu về tình hình sử dụng lao động, trang thiết bị xe máy, kỹ thuật cũng như kết quả ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong thời gian qua.

3. Kết cấu của tập định mức

Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị. Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

Định mức dự toán công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị Thành phố Hà Nội bao gồm 5 chương:

- Chương I: Công tác quét gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công.
- Chương II: Công tác thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt, phế thải xây dựng bằng cơ giới.
- Chương III: Công tác xử lý rác.
- Chương IV: Công tác quét đường phố và tưới nước rửa đường bằng cơ giới.
- Chương V: Công tác duy trì nhà vệ sinh công cộng.

4. Quy định áp dụng

- Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị Thành phố Hà Nội do UBND Thành phố Hà Nội công bố hướng dẫn áp dụng thống nhất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Hao phí của vật liệu, công cụ lao động (như chổi, xẻng, cán xẻng, thùng chứa, cuốc, ...) sử dụng trực tiếp cho quá trình thực hiện công việc được quy định trong chi phí chung cấu thành dự toán dịch vụ công ích theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị.

- Trường hợp công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện khác với quy định trong tập định mức này hoặc những loại công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị chưa được quy định định mức thì Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan tiến hành điều chỉnh định mức hoặc xác lập định mức mới để trình UBND Thành phố quyết định áp dụng, đồng thời báo cáo Bộ Xây dựng theo dõi kiểm tra.

PHẦN II ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN

CHƯƠNG I

CÔNG TÁC QUÉT, GOM RÁC TRÊN HÈ, ĐƯỜNG PHỐ BẰNG THỦ CÔNG

MT1.01.00 Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Đẩy xe dọc tuyến đường, nhặt hết các loại rác, các loại phế thải trên hè phố, xúc hết rác trên đường phố trong phạm vi đường được phân công trong ca làm việc.
- Đẩy xe gom rác đến địa điểm cầu rác chuyển sang xe chuyên dùng.
- Cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông
- Dọn sạch rác tại các điểm cầu sau khi chuyển sang xe chuyên dùng.
- Tuyên truyền vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện tập kết về nơi quy định.

Bảng số 1

Đơn vị tính: 1 km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.01.00	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công	<i>Nhân công</i> - Cấp bậc thợ bình quân 4,25/7	Công	2,00

Ghi chú:

- Định mức tại bảng số 1 áp dụng cho các tuyến phố có yêu cầu duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công, áp dụng cho công tác quét, gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công với quy định thực hiện 2 bên lề.

- Định mức tại bảng 1 quy định hao phí nhân công công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công của đô thị loại đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: $K = 0,95$
- + Đô thị loại II: $K = 0,85$
- + Đô thị loại III - IV: $K = 0,80$

MT1.02.00 Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công

Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển xe gom đến nơi làm việc;
- Quét rác trên đường phố, vỉa hè, gom thành từng đống nhỏ;
- Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có);
- Thu gom rác đống trên đường phố, vỉa hè.
- Hót xúc rác, cát bụi vào xe gom rác đẩy tay.
- Vận chuyển xe gom về điểm cầu để chuyển sang xe chuyên dùng .
- Dọn sạch rác tại các điểm cầu sau khi chuyển sang xe chuyên dùng.
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện thu gom rác, cất vào nơi quy định.

Bảng số 2

Đơn vị tính: 10.000m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.02.00	Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công	<u>Nhân công</u> - Cấp bậc thợ bình quân 4,25/7	công	2,50

Ghi chú:

- Thời gian làm việc từ 18h00 ÷ 6h00 sáng hôm sau.
- Định mức tại Bảng trên áp dụng cho công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công với quy trình nghiệm thu khối lượng diện tích quét, gom rác trên toàn bộ vỉa hè và 2 m lòng đường mỗi bên đường kể từ mép ngoài của rãnh thoát nước.
- Định mức tại bảng trên quy định hao phí nhân công công tác gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công của đô thị loại đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: K = 0,95
- + Đô thị loại II: K = 0,85
- + Đô thị loại III - IV: K = 0,80

MT1.03.00 Công tác duy trì vệ sinh dải phân cách bằng thủ công

Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động
- Di chuyển xe gom đến nơi làm việc.
- Đặt biển báo công tác. Dùng chổi quét sạch đường sát dải phân cách có chiều rộng là 1,5m
- Vun gọn thành đống, xúc lên xe gom. Đối với dải phân cách mềm: luôn chổi qua kẽ các thanh chắn quét sạch cả phần đường đặt dải phân cách.
- Đẩy xe gom rác về điểm cầu chuyển sang xe chuyên dùng.
- Cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông.
- Dọn sạch rác tại các điểm cầu sau khi chuyển sang xe chuyên dùng.
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện thu gom rác, cất vào nơi quy định.

Bảng số 3

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.03.00	Công tác duy trì vệ sinh dải phân cách bằng thủ công	<u>Nhân công</u> - Cấp bậc thợ bình quân 4,25/7	Công	1,0

Ghi chú:

- Thời gian làm việc từ 18h00 và kết thúc vào 6h00 sáng hôm sau.
- Định mức tại Bảng trên áp dụng cho công tác duy trì dải phân cách khi có yêu cầu duy trì dải phân cách bằng thủ công trên đường phố (dải phân cách cứng, dải phân cách mềm)
- Định mức tại bảng trên quy định hao phí nhân công công tác duy trì vệ sinh dải phân cách bằng thủ công của đô thị loại đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:
 - + Đô thị loại I: K = 0,95
 - + Đô thị loại II: K = 0,85
 - + Đô thị loại III - IV: K = 0,80

MT1.04.00 Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây cột điện, miệng cống hàm ếch.

Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Dùng xẻng, chổi tua sạch thành vỉa và vỉa. Dùng chổi gom rác ở miệng hàm ếch và dùng xẻng gom, xúc rác ở miệng hàm ếch.
- Dọn sạch rác, phế thải ở gốc cây, cột điện (khối lượng phế thải < 0.5m³)(nếu có); bấm nhổ cỏ xung quanh (nếu có); phát cây 2 bên vỉa hè (nếu có), xúc rác lên xe gom.
- Đẩy xe gom rác về điểm cầu chuyển sang xe chuyên dùng.
- Dọn sạch rác tại các điểm cầu sau khi chuyển sang xe chuyên dùng.
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện thu gom rác, cất vào nơi quy định.

Bảng số 4

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.04.00	Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch	<i>Nhân công:</i>		
		- Đối với vỉa ướt, khu phố cổ: Cấp bậc thợ bình quân 4,25/7	Công	1,20
		- Đối với vỉa khô, lát, đường 1 chiều: Cấp bậc thợ bình quân 4,25/7	Công	0,80

Ghi chú:

- Định mức tại bảng trên quy định hao phí nhân công công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch của đô thị loại đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: K = 0,95
- + Đô thị loại II: K = 0,85
- + Đô thị loại III - IV: K = 0,80

MT1.05.00 Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công

Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Đẩy xe gom rác dọc ngõ, gõ kèng và thu rác nhà dân.
- Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ túi rác lên xe gom.
- Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên xe gom và đẩy xe gom về vị trí quy định.
- Đối với những ngõ rộng, có vỉa hè, rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tua vỉa, rãnh và xúc lên xe gom; dùng chổi quét, gom rác trên hè, trên ngõ.
- Đẩy xe gom về địa điểm quy định.
- Đảm bảo an toàn giao thông
- Vận động, tuyên truyền nhân dân đổ rác đúng giờ, nơi quy định, các quy định về vệ sinh môi trường.
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện thu gom rác, cất vào nơi quy định.

Bảng số 5

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.05.00	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công	<u>Nhân công</u> - Cấp bậc thợ bình quân 4,25/7	Công	1,50

Ghi chú:

- Định mức tại Bảng trên áp dụng cho công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm có chiều rộng $\geq 1,5m$.

- Định mức tại bảng 5 quy định hao phí nhân công công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công của đô thị loại đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: $K = 0,95$
- + Đô thị loại II: $K = 0,85$
- + Đô thị loại III - IV: $K = 0,80$

MT1.06.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công.

Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Cào rác từ bể chứa rác hoặc đống rác, xúc lên xe gom di chuyển ra điểm cầu lên ô tô, quét dọn xung quanh bể rác và đống rác, phủ bạt kín trước khi xe chạy.
- Cuối ca vệ sinh dụng cụ, phương tiện xúc rác, cất vào nơi quy định.

Bảng số 6

Đơn vị tính: 1 tấn

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.06.00	Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công	<u><i>Nhân công</i></u> - Cấp bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,80

CHƯƠNG II

CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC SINH HOẠT, PHẾ THẢI XÂY DỰNG VÀ RÁC Y TẾ BẰNG CƠ GIỚI

MT2.01.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km

Thành phần công việc

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- Nạp rác từ xe thô sơ (xe đẩy tay) vào máng hứng, ép vào xe.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe ép.
- Điều khiển xe về đến bãi đổ rác.
- Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đống vào ô chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng quy định trong bãi.
- Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- Di chuyển xe về bãi tập kết.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 7

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe ép		
				4 tấn	7 tấn	10 tấn
MT2.01.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km.	<u>Nhân công</u>	công	0,245	0,227	0,200
		- Cấp bậc thợ bình quân 4/7				
		<u>Máy thi công:</u>	ca	0,0840	0,0653	0,0466
		- Xe ép rác				

Ghi chú:

Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
20 <L ≤ 25 km	1,11
25 <L ≤ 30 km	1,22
30 <L ≤ 35 km	1,30
35 <L ≤ 40 km	1,38
40 <L ≤ 45 km	1,45
45 <L ≤ 50 km	1,51
50 <L ≤ 55 km	1,57
55 <L ≤ 60 km	1,62
60 <L ≤ 65 km	1,66

MT2.02.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và rác sinh hoạt tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- Kéo thùng trên vỉa hè, điểm tập kết thùng tại cơ sở y tế, nạp rác từ thùng vào máng hứng, ép vào xe.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe ép.
- Điều khiển xe về địa điểm đổ rác.
- Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đống vào ô chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng quy định trong bãi.
- Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- Di chuyển xe về bãi tập kết.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 8

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe ép			
				2 tấn	4 tấn	7 tấn	10 tấn
MT2.02.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	<u>Vật tư, vật liệu:</u>					
		- Thùng rác nhựa	cái	0,0044	0,0044	0,0044	0,0044
		<u>Nhân công:</u>					
		- Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,416	0,278	0,198	0,188
		<u>Máy thi công:</u>					
		- Xe ép rác	ca	0,2604	0,1748	0,1309	0,0980
				01	02	03	04

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
20 <L ≤ 25 km	1,11
25 <L ≤ 30 km	1,22
30 <L ≤ 35 km	1,30
35 <L ≤ 40 km	1,38
40 <L ≤ 45 km	1,45
45 <L ≤ 50 km	1,51
50 <L ≤ 55 km	1,57
55 <L ≤ 60 km	1,62
60 <L ≤ 65 km	1,66

MT2.03.00 Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm nhỏ lẻ bằng xe tải về bãi đổ với cự ly bình quân 10 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom phế thải xây dựng.
- Xúc phế thải xây dựng lên thùng xe.
- Thu gom, quét dọn phế thải rơi vãi lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc đầy xe.
- San, cào phế thải xây dựng đầy kín thùng xe.
- Xác định khối lượng và đổ phế thải xây dựng tại bãi đổ.
- Điều khiển xe về bãi tập kết.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 9

Đơn vị tính: 1 tấn phế thải xây dựng

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tải trọng của xe		
				1,2 tấn	2 tấn	4 tấn
MT2.03.00	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm nhỏ lẻ bằng xe tải về bãi đổ với cự ly bình quân 10 km	<u>Nhân công:</u> - Công nhân phổ thông: cấp bậc thợ bình quân 4/7 <u>Máy thi công:</u> - Xe tải	Công	0,431	0,431	0,431
			Ca	0,247	0,149	0,114
				01	02	03

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly	Hệ số
$L < 10 \text{ km}$	0,82
$10 < L \leq 15 \text{ km}$	1,18
$15 < L \leq 20 \text{ km}$	1,40
$20 < L \leq 25 \text{ km}$	1,60

Chương III

CÔNG TÁC XỬ LÝ RÁC

MT3.01.00 Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi < 500 tấn/ngày

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Tiếp nhận rác, hướng dẫn xe qua cân điện tử, ghi chép số liệu và hướng dẫn chỗ đỗ cho các xe tập kết.
- Đổ, cào rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe ra khỏi khu vực đỗ không còn rác trên xe.
- Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- San ủi rác từ các đống thành bãi phẳng và đầm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác.
- Phun xịt chế phẩm vi sinh (EM) và rải Bokashi để khử mùi hôi, xịt nước chống bụi.
- Sau một lớp rác vừa san ủi lại phủ một lớp đất, tiến hành đầm nén trước khi đổ lớp rác khác lên.
- Rắc vôi bột và phun một số hóa chất để diệt trừ ruồi, muỗi.
- San ủi rác đến khi hết ca làm việc.
- Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- Quét dọn đảm bảo vệ sinh khu vực bãi, khu vực cân điện tử, trạm rửa xe.
- Duy trì cây xanh khu vực bãi.
- Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi quy định, giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2 m.
- Độ dày lớp đất phủ là 0,15 đến 0,20 m.

Bảng số 10*Đơn vị tính: 1 tấn rác*

Mã hiệu	Loại công tác	Hạng mục	Đơn vị	Định mức
MT3.01.00	Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi < 500 tấn/ngày	<u>Vật liệu</u>		
		Vôi bột	tấn	0,0011
		Đất phủ bãi	m ³	0,15000
		Hoá chất diệt ruồi	lít	0,00041
		EM thứ cấp	lít	0,40000
		Bokashi	kg	0,34500
		Nước thô	m ³	0,1381
		<u>Nhân công</u>		
		Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,060
		<u>Máy thi công</u>		
		Máy ủi 170CV	ca	0,0025
		Xe bồn 6m ³	ca	0,0020
		Máy bơm xăng 5CV	ca	0,0010
		Máy đào 0,4 m ³	ca	0,0005
		Máy bơm điện 0,35 kw	ca	0,00003
		Máy bơm nước sạch chạy điện 7,5 KW	ca	0,00896

MT3.02.00 Công tác xử lý rác tại bãi chôn lấp, công suất bãi > 1.500 tấn/ngày

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.
- Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe.
- Đổ rác theo phương pháp đổ lán và chiều dày lớp rác là 2m, riêng lớp rác đầu tiên phải tạo đường dẫn xuống đáy bãi. Xi nhan cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không ùn tắc và sa lầy.
- Các xe ô tô vào đổ rác thành từng đống theo đúng vị trí do công nhân điều hành bãi hướng dẫn, được máy ủi xích san gạt và máy đầm chuyên dùng đầm từ 8 - 10 lần tạo thành các lớp rác chặt.
- Sử dụng máy ủi san gạt bề mặt bãi, đảm bảo ô tô chở rác có thể đi lại dễ dàng trên bề mặt.
- Sau khi tạo lớp rác đây đúng tiêu chuẩn phải phủ đất lên trên mặt (đỉnh và taluy) toàn bộ diện tích rác đã đổ, đất phủ phải được san đều trên bề mặt rác và đầm nén kỹ trước khi đổ lớp rác khác lên phía trên.
- Kiểm tra san lấp các khu vực bị lún, lở trên toàn khu vực bãi; San gạt tạo mặt bằng mái, tạo độ dốc thoát nước sửa chữa lại nền đường.
- Xử lý rác bằng EM và Bokashi theo quy trình kỹ thuật tiêu chuẩn.
- Đảm bảo công tác duy trì thông thoát khí ga đối với các ô bắt đầu và đang trong quá trình chôn lấp rác cũng như các ô khi đóng bãi tạm thời.
- Bơm hút nước rác từ ô chôn lấp về hồ sinh học để xử lý.
- Đắp bờ ao, làm đường công vụ vào đổ rác để đảm bảo cho xe vào đổ rác.
- Xử lý hóa chất trên phạm vi toàn bãi cũng như khu dân cư lân cận theo đúng quy định, rắc vôi bột tại các vị trí nhằm hạn chế phát sinh ruồi muỗi.
- Nhặt rác, làm vệ sinh đoạn đường vào bãi xe ô tô, tưới nước chống bụi các khu vực bãi, đường dẫn vào bãi.
- Vệ sinh các phương tiện, dụng cụ, rửa bánh xe trước khi ra khỏi bãi tập kết về địa điểm quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Bãi chôn lấp có yêu cầu kỹ thuật cao, có hệ thống xử lý nước của rác theo phương pháp sinh học.

- Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.

Bảng số 11

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
MT3.02.00	Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác với kỹ thuật hợp vệ sinh, công suất bãi > 1.500 tấn/ngày	<u>Vật tư, vật liệu</u>			
		Vôi bột	tấn	0,0011	
		Đất phủ bãi	m ³	0,2784	
		Hoá chất diệt ruồi(Icon)	lít	0,00210	
		EM thứ cấp	lít	1,0375	
		Bokashi	kg	0,24600	
		Đá dăm cấp phối	m ³	0,0009	
		Đá 4x6	m ³	0,0009	
		Đá hộc	m ³	0,00124	
		Đá dăm	m ²	0,4600	
		Nước thô	m ³	0,13810	
		Nhuộm (chỉ nước mưa)	m	0,0216	
			m	0,0024	
		Ống kẽm 40 dẫn EM	m	0,00067	
		Ống kẽm 50	m	0,00034	
		Ống cao su chịu áp lực ϕ 26	m	0,00014	
		<u>Nhân công</u>			
		Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,09342	
		<u>Máy thi công</u>			
		Máy ủi 170 CV	ca	0,00380	
		Máy đầm 335 CV	ca	0,001	
		Máy đào 0,8 m ³	ca	0,00102	
		Máy lu 10 T	ca	0,00001	
		Máy đầm 9 T	ca	0,0001	
		Ô tô 2T	ca	0,00036	
		Ô tô 10T	ca	0,002	
		Xe bồn 6m ³	ca	0,00249	
		Xe bồn 10m ³	ca	0,00225	
		Bơm xăng 5,5CV	ca	0,001	
		Bơm điện 22 kw	ca	0,006	
		Bơm điện 5 kw	ca	0,002	
		Bơm điện 3kw	ca	0,00519	
Bơm điện 2,5 kw	ca	0,00100			
Bơm điện 0,125 kw	ca	0,00031			

MT3.03.00 Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp với công suất bãi <500 tấn/ngày

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động và bảo hộ lao động.
- Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- Hướng dẫn cho xe ra vào bãi, đảm bảo không gây ùn tắc và xa lầy.
- Xe ủi rác thải xây dựng thành đồng để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác thải xây dựng.
- Phun xịt nước chống bụi hàng ngày.
- San ủi rác thải xây dựng đến khi hết ca làm việc.
- Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi quy định, giao ca.

Bảng số 12

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT3.03.00	Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp với công suất bãi <500 tấn/ngày	<u><i>Nhân công:</i></u>		
		- Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,0420
		<u><i>Máy thi công:</i></u>		
		- Máy ủi 140 CV	ca	0,00185
		- Xe bồn nước 16 m ³	ca	0,00190

MT3.04.00 Công tác xử lý phân bùn bể phốt

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận phân bùn qua cân điện tử.
- Xả vào bể lắng, bổ xung VSV
- Hút nước trong vào bể xục khí bằng xe bơm hút
- Dùng máy khuấy 7,5 kw khuấy đều
- Trong quá trình sục và khuấy đến giai đoạn cuối, hút khí thải của quá trình sục khuấy bằng máy hút khí .
- Phân khí thải được đưa vào xử lý qua bình chứa dung dịch sút. Phân khí chưa xử lý hết được đưa qua bình 2 chứa dung dịch thuốc tím được khử triệt để, khí sau khi xử lý được xả ra môi trường xung quanh.
- Kết thúc quá trình sục, khuấy và xử lý khí thải để lắng 24 giờ.
- Dùng máy bơm nước hút nước đưa vào phân rác hữu cơ đã được phân loại để xử lý làm phân compost.
- Kết thúc mẻ 1 bổ xung các loại vi sinh vật: Bokashi ,vi sinh vật hữu cơ.
- Quy trình mẻ tiếp theo được lặp lại như trên
- Sau 3 mẻ xử lý phân bùn còn lại và nạo vét bằng thủ công.
- Xử lý bùn cặn bằng phương pháp yếm khí có men vi sinh.
- Phân bùn cặn sau xử lý được đưa đi chôn lấp.
- Phun thuốc khử trùng xung quanh khu vực xử lý.
- Bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị máy móc theo quy định.

Bảng số 13

Đơn vị tính: 1 tấn chất thải

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT3.04.00	Công tác xử lý phân bùn bể phốt	<u><i>Vật tư, vật liệu:</i></u>		
		EM thứ cấp	Lít	0,01
		Vi sinh vật	Kg	0,01
		Bokashi	Kg	0,005
		Dung dịch sút	Lít	0,05
		Dung dịch thuốc tím	Lít	0,05
		<u><i>Nhân công:</i></u>		
		Bậc thợ bình quân 4,5/7	Công	0,08
		<u><i>Chi phí máy</i></u>		
		Ô tô bơm 4-5 tấn	Ca	0,004
		Máy bơm 3KW	Ca	0,004
		Máy khuấy 7 KW	Ca	0,004
		Máy sục khí 4,5 KW	Ca	0,004
Quạt gió 1 KW	Ca	0,004		

MT3.07.00 Công tác quản lý vận hành cân điện tử 60 tấn tại khu LHXLCT Nam sơn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Kiểm tra thiết bị, tình trạng hệ thống điều khiển tự động, đầu đo, bàn cân...
- Điều hành xe ra vào trạm cân:
 - + Cấm các biển báo giao thông và các biển chỉ dẫn di động tại những điểm nguy hiểm mới phát sinh trên trước và sau trạm cân.
 - + Hướng dẫn, điều hành cho xe vào lên bàn cân số 1 cân xe có tải và lên bàn cân số 2 để cân xe không tải.
- Kiểm tra, vận hành hệ thống chiếu sáng, các đèn tín hiệu từ 18h00 đến sáng trong khu vực.
 - Công tác duy trì vệ sinh và bảo trì bảo dưỡng hệ thống cân:
 - + Sử dụng xẻng nạo vét bùn đất và dùng chổi quét sạch khu vực cầu cân, gầm cầu cân, xúc bùn đất lên xe gom và chuyển đổ tại bãi chôn lấp.
 - + Dùng vòi rồng phun rửa sạch mặt bàn cân, gầm cầu cân và các đầu đo.
 - + Dùng xẻng khơi rãnh thoát nước đảm bảo thông thoát đoạn từ trạm cân tới hố ga tại khu vực trạm rửa xe.
 - Công tác bảo dưỡng sửa chữa.
 - + Bảo dưỡng hàng tháng.
 - + Bảo dưỡng hàng năm:
- Vận hành hệ thống cân cân xe có tải và không tải 3 ca liên tục.

Yêu cầu chất lượng:

- Duy trì cân hết 100% khối lượng rác vào Bãi.
- Đảm bảo vệ sinh toàn bộ khu vực trạm cân.
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động, an toàn giao thông

Bảng số 16

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT3.07.00		<u><i>Vật liệu</i></u>		
		Giấy A4	Gam	0,0001758
		Bút xóa	Chiếc	0,0000159
		Bút bi	Chiếc	0,0000143
		Băng mực in	Băng	0,0000767
		<u><i>Nhân công</i></u>		
		Công nhân phụ trợ bậc thợ 4/7	công	0,0029
<u><i>Máy thi công</i></u>				
Trạm cân 60 tấn	ca	0,0012		

MT3.08.00 Công tác xử lý rác làm phân compost

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ và trang bị phòng hộ lao động.
- Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- Nạp rác vào máng rác nhà tuyển lựa.
- Bổ sung EM thứ cấp và phun thuốc ruồi.
- Xé túi ni lông, nhặt tách rác vô cơ khỏi dây truyền tuyển lựa.
- Ủ lên men rác hữu cơ đã thu hồi tại dây truyền nhà tuyển lựa.
- Ủ chín: bổ xung độ ẩm đảo trộn thực hiện quá trình phân giải các chất hữu cơ bằng vi sinh.
- Nhặt tách phân loại chất vô cơ, ni lông tại dây truyền nhà tinh chế.
- Sàng tinh chế lần 1 để lấy mùn thô
- Sàng tinh chế lần 2 để lấy mùn tinh
- Phối trộn mùn hữu cơ với các phụ gia, đóng gói thành bao..
- Vận chuyển phân compost thành phẩm vào kho.
- Cọ rửa dụng cụ, cất dụng cụ và dọn dẹp sạch sẽ nơi làm việc.

Bảng số 17

Đơn vị tính: 1 tấn phân Compost

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT3.08.00	Công tác xử lý rác làm phân compost	<u>Vật tư, vật liệu:</u>		
		EM thứ cấp	Lít	2,00
		Vi sinh vật phân huỷ Xenlulô	Kg	1,00
		Rỉ đường	Kg	2,200
		<u>Nhân công</u>		
		Công nhân phổ thông bậc 4,25/7	Công	5,000
		<u>Máy thi công</u>		
		Máy xúc lật	Ca	0,250
Máy bơm 4,5Kw	ca	0,100		
Dây truyền sản xuất phân đồng bộ	Ca	0,028		

MT3.09.00 Công tác sản xuất EM thứ cấp

Thành phần công việc

- Tiếp nhận EM gốc (sơ cấp) kiểm tra độ pH EM gốc $\leq 3,5$ bằng máy đo.
- Bảo quản EM sơ cấp trong phòng thí nghiệm sinh hóa hợp vệ sinh, nhiệt độ dưới 30°C.
- Thời gian sử dụng EM gốc không quá 6 tháng (tính từ khi chế tạo).
- Chuẩn bị thùng nhựa 2 lớp để nhân giống EM: làm vệ sinh sạch trong và ngoài thùng nhựa.
- Chuẩn bị vật tư EM gốc, rỉ đường theo công thức:
1 lít EM sơ cấp + 5 lít rỉ đường + 94 lít nước sạch = 100 lít EM thứ cấp
- Pha chế rỉ đường với nước ấm từ 40 – 60°C, sau đó để nguội đổ vào thùng nhựa.
- Nạp nước sạch đảm bảo (độ pH từ 7 – 7,5).
- Đổ dung dịch EM gốc cùng với nước sạch vào thùng nhựa 200 lít cách mặt trên là 5 cm, vặn nút để đảm bảo vi sinh vật hoạt động yếm khí.
- Kiểm tra độ pH sau 24 giờ, 48 giờ, 72 giờ.
- Bỏ xung 2 kg thức ăn rỉ đường sau 48 giờ.
- Kiểm tra sau 96 giờ độ pH $\leq 3,5 - 4$ để quyết định đưa vào sử dụng.
- Kiểm tra độ pH xem có đạt yêu cầu không.

Bảng số 18

Đơn vị tính: 1 Lít EM thứ cấp

Mã hiệu	Loại công tác	Hạng mục	Đơn vị	Định mức
MT3.09.00	Công tác sản xuất EM thứ cấp	<u>Vật liệu</u>		
		EM sơ cấp	Lít	0,01
		Rỉ đường	kg	0,07
		Nước sạch	Lít	0,94
		Điện năng đun nước	Kw	0,015
		<u>Nhân công</u>		
		Nhân công phổ thông bậc 4,25/7	Công	0,007
		<u>Máy thi công</u>		
		Máy bơm 0,125 kw	Ca	0,03
Máy bơm 1,2 kw	Ca	0,0003		

MT3.10.00 Công tác sản xuất Bokashi

Thành phần công việc

- Phối trộn mùn compost thô, cám gạo, rỉ đường và nước ấm thành một hỗn hợp đều.

Tỷ lệ pha chế:

85 kg mùn phân compost thô + 10 kg cám gạo + 5 lít rỉ đường + 5 lít dung dịch EM thứ cấp = 100 kg Bokashi

- Việc đảo trộn được tiến hành 3 – 4 lần.

- Độ ẩm của hỗn hợp bằng 30% - 40%, có thể kiểm tra bằng cách dùng tay bóp. Mỗi khi dùng tay bóp nó cần giữ nguyên một khối, không bị tơi đen. Tuy nhiên khi ta đung tay vào đó thì nó dễ dàng tơi ra. Nếu nhiệt độ cao quá 45°C thì ta phải giàn mỏng để thoáng khí và được đo lại nhiệt độ bằng máy đo. Yêu cầu kiểm tra 5 giờ 1 lần.

- Cho hỗn hợp vào túi nilong kín, không cho không khí vào (loại túi nilong 10 kg bằng polime). Đặt túi đó vào một túi polime khác (túi nilong đen) để chống không khí đi vào.

Bảng số 19

Đơn vị tính: 1 tấn Bokashi

Mã hiệu	Loại công tác	Hạng mục	Đơn vị	Định mức
MT3.10.00	Công tác sản xuất Bokashi	<u>Vật liệu</u>		
		Mùn hữu cơ	kg	850
		EM thứ cấp	Lít	50
		Cám gạo	kg	100
		Rỉ đường	kg	50
		Túi ni lon	Túi	100
		Điện năng	kwh	0,075
		<u>Nhân công</u>		
Nhân công phổ thông bậc 4/7	Công	2		

CHƯƠNG IV

CÔNG TÁC QUÉT ĐƯỜNG PHỐ VÀ TUỐI NƯỚC RỬA ĐƯỜNG BẰNG CƠ GIỚI

MT4.01.00 Công tác quét đường phố bằng cơ giới

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động.
- Xe ôtô quét hút theo đúng lịch trình quy định, tới điểm quét đỗ cách mép vỉa 0,2m - 0,3m, bật đèn công tác, kiểm tra các thông số trước khi cho xe vận hành.
- Đảm bảo tốc độ xe khi quét hút đạt từ 4 km/h - 5 km/h.
- Kiểm tra khi hết nước phải đi lấy ngay đảm bảo chất lượng quét hút.
- Khi rác đầy thì tiến hành đổ phế thải đúng nơi quy định.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm quy định.

Bảng số 20

Đơn vị tính: 1 km quét hút

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe	
				2m ³ - 3 m ³	5 m ³ - 7m ³
MT4.01.00	Công tác quét đường bằng xe quét hút	<i>Vật tư, vật liệu:</i>			
		Chổi xe quét hút	Bộ	0,0056	0,004
		Nước sạch	m ³	0,0648	0,15
		<i>Máy thi công:</i>			
		Ôtô quét hút	ca	0,04	0,050
				01	02

Ghi chú:

- Định mức tại bảng I quy định hao phí nhân công và hao phí máy thi công công tác quét đường bằng xe quét hút của đô thị loại đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: K = 0,95
- + Đô thị loại II: K = 0,85
- + Đô thị loại III - IV: K = 0,80

MT4.02.00 Công tác tưới nước rửa đường

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và trang thiết bị bảo hộ lao động.
- Xe lấy nước vào đúng vị trí qui định, các van phải được khóa, vòi phun phải được thông và để ở vị trí cao.
- Để miệng téc đóng họng nước, khi téc đầy khóa van họng nước, đây nắp téc nước, khóa chặt.
- Xe ô tô đến điểm rửa đi với tốc độ 6km/giờ, bép chềch 5⁰ , áp lực phun nước 5KG/cm².
- Sau khi xả hết téc nước xe về điểm lấy nước và lặp lại thao tác như trên.
- Sau khi hoàn thành công việc xoay bép lên phía trên để tránh vỡ khi gặp ổ gà.
- Vệ sinh xe và bàn giao phương tiện cho bảo vệ đơn vị.

Điều kiện áp dụng:

- Dung tích xe ô tô 7 m³
- Bảng mức qui định rửa một lần bình quân 7m³/km .

Bảng số 21

Đơn vị tính: 1 m³

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT4.02.00	Công tác tưới nước rửa đường	<u>Vật liệu:</u> Nước thô	m ³	1
		<u>Máy thi công:</u> Ô tô tưới nước	ca	0,022

MT4.03.00 Công tác vận hành hệ thống cung cấp nước tưới nước rửa đường

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ.
- Kiểm tra cầu dao, hệ thống đường ống, téc chứa nước, đồng hồ đo lưu lượng nước, máy bơm bảo đảm trạng thái hoạt động tốt.
- Đóng cầu dao điện bơm nước lên téc.
- Đóng mở van xả nước khi xe đến lấy nước.
- Định kì bảo dưỡng động cơ máy bơm, téc chứa nước, họng hút, đồng hồ đo lưu lượng nước.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 22

Đơn vị tính: 100m³ nước

Mã hiệu	Loại công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT4.03.00	Công tác vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường	<u>Nhân công:</u> - Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,450
		<u>Máy thi công:</u> - Máy bơm 24 kw	ca	0,133

CHƯƠNG V

CÔNG TÁC DUY TRÌ NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG

MT5.01.00 Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng (xây gạch)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ và bảo hộ lao động.
- Dùng xẻng, chổi quét dọn trên phạm vi quản lý.
- Dội nước trên mặt bằng từng hố và máng tiểu (nếu có).
- Quét mạng nhện, dọn rác, phế thải xung quanh nhà vệ sinh công cộng và trên đường vào nhà vệ sinh.
- Vẩy thuốc sát trùng và dầu xả.
- Khi trong nhà vệ sinh có bơm kim tiêm dùng kim gấp cho vào xô nhựa
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm quy định.

Bảng số 23

Đơn vị tính: 1 hố/ca

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT5.01.00	Công tác duy trì phục vụ nhà vệ sinh công cộng (xây gạch)	<u>Vật tư, vật liệu</u>		
		Vôi bột	kg	0,0500
		Vôi nước	kg	0,3000
		Dầu xả	kg	0,0005
		Thuốc sát trùng	kg	0,0010
		Điện thấp sáng	kw	0,1600
		Nước sạch	m ³	0,300
		<u>Nhân công</u>		
Cấp bậc thợ bình quân 4/7	công	0,150		

MT5.02.00 Công tác thu dọn phân xí máy

Thành phần công việc

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động
- Đưa xe hút đến địa điểm thu dọn, kiểm tra mặt bằng khu vực hố xí để đặt ống hút cho thích hợp.
- Dùng xà beng cạy lỗ thăm để phốt, nếu không đủ thì đổ thêm nước, dùng cào đảo đều hỗn hợp phân đảm bảo độ loãng để bơm hút dễ dàng.
- Cho đầu ống hút của vòi bơm vào bể phốt và cho máy bơm chân không hoạt động, luôn di chuyển đầu vòi bơm trong bể phốt.
- Khi hút hết phân thì rửa vòi bơm và tháo vòi đặt vào xe.
- Trát vị trí đục lấy phân, kiểm tra phương tiện.
- Quét dọn vệ sinh sạch sẽ khu vực thu dọn phân.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm quy định.

Bảng số 24

Đơn vị tính: 1 tấn phân

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
MT5.02.00	Công tác thu dọn phân xí máy	<u>Vật tư, vật liệu:</u>			
		Vòi nước	kg	0,3100	
		Cát đen	m ³	0,0009	
		Xi măng	kg	0,134	
		<u>Nhân công</u>			
		- Công nhân phổ thông cấp bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,43	0,143
		<u>Máy thi công</u>			
		- Ôtô hút phân	ca	0,167	0,060
				Xe 1,5 tấn	Xe 4,5 tấn

MT5.03.00 Công tác duy trì nhà vệ sinh lưu động

Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ và bảo hộ lao động.
- Dùng xẻng, chổi quét dọn trong và ngoài nhà vệ sinh khi mới lắp đặt.
- Công nhân duy trì quét dọn, cấp giấy vệ sinh, vẩy thuốc sát trùng và dầu xả, kiểm tra độ kín khít của các van, khi rò rỉ phải khắc phục ngay.
- Phối hợp cùng xe cấp nước, xe hút phân trong quá trình duy trì đảm bảo đầy đủ nước và hút kịp thời phân
- Hết ca tắt điện, vệ sinh dụng cụ, tập kết đúng nơi quy định.

Bảng số 25

Đơn vị tính: hólca

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại nhà VSLĐ	
				MỐC 4 BUỒNG	NHÀ 1 BUỒNG
MT5.0300	Công tác duy trì các loại nhà vệ sinh lưu động	<u>Vật tư, vật liệu:</u>	m ³	2,0	0,5
		Nước sạch			
		<u>Nhân công</u>	Công	0,25	0,275
		Nhân công thủ công cấp bậc thợ bình quân 4/7			
		<u>Máy thi công:</u>			
Ô tô hút phân	ca	0,06	0,111		
Ô tô cấp nước	ca	0,06	0,111		
				01	02

MT5.04.00 Công tác lắp đặt nhà vệ sinh lưu động

Thành phần công việc

- Kiểm tra nhà vệ sinh lưu động đảm bảo chắc chắn, các cánh cửa đều được khóa, tháo hết nước trong nhà vệ sinh.

- Đối với nhà vệ sinh moóc kiểm tra và bơm bổ xung cho đủ áp suất hơi của các lốp xe (từ 4-4,5 Kg/cm²). Treo biển báo hiệu kéo moóc hình tam giác có phản quang vào phía sau moóc.

- Kiểm tra độ kín khít của các van bể phốt bằng nước.

- Kiểm tra xe vận chuyển, xe kéo moóc đảm bảo an toàn

- Tốc độ vận chuyển nhà vệ sinh lưu động không quá 20 km/h

- Lắp đặt nhà vệ sinh ở chỗ bằng phẳng chắc chắn, gần hố ga thoát nước.

Bảng số 26

Đơn vị tính: 1 Nhà

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại nhà VSLĐ	
				MOỐC 4 BUỐNG	NHÀ 1 BUỐNG
MT5.04.00	Công tác lắp đặt các loại nhà vệ sinh lưu động	<u>Nhân công</u> Nhân công thủ công cấp bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,250	0,30
		<u>Máy thi công:</u> Xe phục vụ lắp đặt, thu hồi	ca	0,250	0,330
				01	02

MT5.05.00 Công tác quản lý duy trì nhà vệ sinh công cộng loại kết cấu vỏ thép

Thành phần công việc

- Chuẩn bị vật tư, vật liệu, dụng cụ và bảo hộ lao động.
- Vận hành các máy móc thiết bị của nhà vệ sinh.
- Dùng chổi quét sạch rác, lá cây trong, ngoài nhà vệ sinh.
- Dùng nước cọ rửa cọ sạch các vách tường, nền và các thiết bị vệ sinh.
- Chuẩn bị giấy vệ sinh, xà phòng, băng phiến, khăn lau vào các phòng vệ sinh.
- Dùng nước hoa xịt phòng xịt vào các phòng vệ sinh.
- Thu tiền dịch vụ vệ sinh theo quy định.
- Kết thúc ca 2 đổ 5 lít EM pha loãng vào bồn cầu của nhà vệ sinh.
- Ghi chép, cập nhật các sự cố kỹ thuật, ATLĐ, ANTT, PCCC ... vào sổ nhật ký.
- Duy trì, chăm sóc cây cảnh trong khuôn viên nhà vệ sinh.

Bảng số 27

Đơn vị tính: giờ ca

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT5.05.00	Công quản lý, duy trì nhà vệ sinh công cộng loại kết cấu vỏ thép	<u>Vật liệu:</u>		
		- Giấy vệ sinh	Cuộn	0,564
		- Xà phòng	Bánh	0,0016
		- Nước cọ rửa	ml	4,167
		- Nước xịt phòng	ml	2,667
		- Băng phiến	Viên	0,088
		- Nước EM	lít	0,017
		- Điện	kwh	1,7
		- Nước	m ³	0,42
		<u>Nhân công</u>		
Bạc thợ bình quân 4/7	Công	1		

BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

*Công bố kèm theo quyết định số 30/2008/QĐ-UB ngày 30 tháng 5 năm 2008
của UBND Thành phố Hà Nội*

STT	Loại máy và thiết bị	Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng		Thành phần - cấp bậc thợ điều khiển máy	Giá ca máy (đồng)	
		Định mức	Nhiên Liệu		Trong đó tiền lương thợ điều khiển máy	Tổng số
1	Xe quét hút bụi 2 m ³	22,8	lít diesel	1 x 2/4	63.758	861.175
2	Xe quét hút bụi 7 m ³	55,4	lít diesel	1 x 3/4	78.587	1.328.266
3	Máy đầm 335 CV	180	lít diesel	1 x 4/7	67.247	2.407.796
4	Xe ép rác 4 tấn	40,5	lít diesel	1 x 2/4	65.489	869.456
5	Xe ép rác 7 tấn	51,3	lít diesel	1 x 2/4	65.489	1.066.334
6	Xe ép rác 10 tấn	64,8	lít diesel	1 x 3/4	80.318	1.498.628
7	Trạm cân 60 tấn	18	Kwh	1 x 4/7	67.247	731.811
8	Trạm rửa xe áp lực nước	58,8	Kwh	1 x 4/7	67.247	270.312

MỤC LỤC

MÃ HIỆU	NỘI DUNG	TRANG
Thuyết minh và các quy định áp dụng		
Chương I: Công tác quét, gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công		
MT 1.01.00	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công	6
MT1.02.00	Công tác quét gom rác đường phố bằng thủ công	7
MT1.03.00	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công	8
MT1.04.00	Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây cột điện, miệng cống hàm ếch	9
MT1.05.00	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công	10
MT1.06.00	Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công	11
Chương II: Công tác thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt, phế thải xây dựng và rác y tế bằng cơ giới		
MT2.01.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	12
MT2.02.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và rác sinh hoạt tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	14
MT2.03.00	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm nhỏ lẻ bằng xe tải về bãi đổ với cự ly bình quân 10 km	16
Chương III: Công tác xử lý rác		
MT 3.01.00	Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất tại bãi <500 tấn/ ngày	18
MT 3.02.00	Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất tại bãi >1500 tấn/ ngày	20
MT 3.03.00	Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp với công suất tại bãi <500 tấn/ ngày	22
MT 3.04.00	Công tác xử lý phân bùn bể phốt	23

MT 3.05.00	Công tác xử lý nước rác bãi Nam Sơn- Sóc Sơn	25
MT 3.06.00	Công tác duy trì vận hành trạm rửa xe tại khu LHXLCT Nam Sơn	27
MT 3.07.00	Công tác quản lý vận hành trạm cân điện tử 60 tấn tại khu LHXLCT Nam Sơn	28
MT 3.08.00	Công tác xử lý rác làm phân compost	30
MT 3.09.00	Công tác sản xuất EM thứ cấp	31
MT 3.10.00	Công tác sản xuất Bokashi	32
Chương IV: Công tác quét đường phố và tưới nước rửa đường bằng cơ giới		
MT 4.01.00	Công tác quét đường phố bằng cơ giới	33
MT 4.02.00	Công tác tưới nước rửa đường	34
MT 4.03.00	Công tác vận hành hệ thống cung cấp tưới nước rửa đường	35
Chương V: Công tác duy trì nhà vệ sinh công cộng		
MT 5.01.00	Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng (xây gạch)	36
MT 5.02.00	Công tác thu dọn phân xí máy	37
MT 5.03.00	Công tác duy trì nhà vệ sinh lưu động	38
MT 5.04.00	Công tác lắp đặt nhà vệ sinh lưu động	39
MT 5.05.00	Công tác quản lý duy trì nhà vệ sinh công cộng loại kết cấu vỏ thép	40
Bảng giá ca máy và thiết bị thi công phục vụ công tác duy trì sửa chữa hệ thống thoát nước chưa có trong Quyết định 17/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008		
	Thuyết minh và các quy định áp dụng	41
	Bảng giá ca máy và thiết bị thi công	43
	Mục lục	44